

Bản án số: 22 /2023/HC-ST

Ngày 17-8-2023

*“V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực đất đai và yêu cầu
bồi thường thiệt hại.”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và bà Phạm Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa : Bà Đặng Thị Mừng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 18/2023/TLST-HC ngày 07 tháng 4 năm 2023 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2023/QĐXXST-HC ngày 06-7-2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/QĐST-HC ngày 21-7-2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phan Xuân T; địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh G; địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân T là Luật sư của Văn phòng Luật sư H; địa chỉ: Đường 23/3, phường N1, thành phố G, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố G; địa chỉ: Số 02, đường Võ Văn T, thành phố G, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Cảnh T; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G – Có đơn xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi cục Thuế khu vực G; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N1, thành phố G, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T; chức vụ: Phó Chi cục Trưởng Chi cục Thuế khu vực G - Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị L (vợ ông Phan Xuân T); địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-4-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Phan Xuân T trình bày: Ngày 12-5-2014 ông T nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất được giao tái định cư số H-32, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại tổ dân phố 03, phường N1, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông đã được Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã G tiếp nhận theo Phiếu biên nhận hồ sơ số: 71 ngày 12-5-2014, hẹn trả kết quả vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 02-6-2014. Đến hẹn, ông T đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thì được trả lời chưa có thông báo nộp tiền sử dụng đất. Từ ngày 02-6-2014 đến tháng 9 năm 2021, ông T nhiều lần đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất nhưng không được giải quyết. Ngày 28-9-2021 ông T liên hệ trực tiếp với Chi cục thuế khu vực G và được nhận Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 112/TB-CCT ngày 29-6-2015 (viết tắt Thông báo 112), đồng thời đã khiếu nại đến UBND thành phố G nhưng không có kết quả. Ngày 31-5-2022, ông T thực hiện nộp thuế theo Thông báo 112 và phải nộp phạt số tiền 160.960.242đồng do chậm nộp thuế. Nhận thấy, việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả không giao thông báo nộp tiền sử dụng đất đúng quy định dẫn đến bị nộp phạt số tiền 160.960.242đồng, do đó ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của cán bộ thuộc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố G không giao Thông báo 112 cho vợ chồng ông T là trái pháp luật và buộc UBND thành phố G phải bồi thường số tiền 160.960.242đồng.

2. Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố G trình bày: Ngày 12-5-2014, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị xã G nhận hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số H32, tờ bản đồ độc lập, diện tích 161,5m² đất ở đô thị, tọa lạc tại tổ 03, phường N1, thị xã G. Ngày 14-5-2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận hồ sơ đầy đủ điều kiện cấp mới GCNQSDĐ tại mục III đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Phan Xuân T, ngày 15-5-2014 ban hành Phiếu chuyển thông tin địa chính thuế số: 681/PC-VPĐK để xác định nghĩa vụ tài chính đến Chi cục thuế thị xã G. Ngày 29-6-2015, Chi cục Thuế thị xã G ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất (TĐC) số: 112/TB-CCT đối với ông Phan Xuân T với tổng số tiền 200.746.618đồng. Ngày 31-5-2021, ông T hoàn thành nghĩa vụ tài chính, bao gồm cả số tiền chậm nộp thuế. Ngày 04-7-2022, UBND thành phố G ban hành Quyết định số: 1331/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ đối với ông Phan Xuân T và bà Nguyễn Thị L. Đối với số tiền thuế ông T phải nộp phạt là 160.960.242đồng UBND thành phố G không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thuế khu vực G: Ngày 29-6-2015 Chi cục Thuế nhận được Phiếu chuyển số: 681/PC-VPĐK ngày 15-5-2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất về việc chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đối với ông Phan Xuân T. Ngày 29-6-2015 Chi cục Thuế đã ban hành Thông

báo 112 đối với ông Phan Xuân T. Ngày 01-7-2015 Chi cục thuế giao Thông báo số 112 cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND thành phố G. Theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18-4-2005 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính, thì trách nhiệm giao thông báo nộp tiền sử dụng thuộc Ủy ban nhân dân thị xã G.

3.2. Bà Nguyễn Thị L: Đồng ý với nội dung trình bày của ông T và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính ; mục 1, Phần II Thông tư liên tịch số: 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18-4-2005 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số: 93/2007/QĐ-TTg ngày 22-6-2007 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 7 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Xuân T.

NHÂN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện : Ông Phan Xuân T khởi kiện vụ án trong thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Phiếu biên nhận hồ sơ số: 71 ngày 12-5-2014 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân thị xã G - bút lục số 76 (viết tắt Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số: 681/PC-VPĐK ngày 15-5-2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã G (viết tắt Phiếu chuyển thông tin 681) đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2.1.1]. Căn cứ Biên bản bàn giao hồ sơ về nghĩa vụ tài chính (bút lục số 73) đến ngày 29-6-2015 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả mới giao Phiếu chuyển thông tin 681 cho Chi cục Thuế G; tại Biên bản bàn giao Thông báo nộp thuế (bút lục số 74) đến ngày 01-7-2015, Chi cục Thuế G đã bàn giao Thông báo 112 cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Ngoài ra, tại “*Sổ giao thông báo nộp tiền sử dụng đất năm 2015 TĐC*” (bút lục số 71), giữa cán bộ Chi cục Thuế G và cán bộ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất G có ghi nhận việc bàn giao Thông báo số 112 ngày 29-6-2015 (số thứ tự 112). Tuy nhiên, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc đã giao Thông báo 112 cho ông T theo quy định của pháp luật.

[2.1.2]. Ông T đã liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Gia Nghĩa để nhận Thông báo nộp tiền sử dụng đất nhưng không có kết quả. Ngày 28-9-2021, ông T liên hệ với Chi cục Thuế khu vực G được tạo điều kiện nhận Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 112/TB-CCT ngày 29-6-2015 (bản phô tô có công chứng). Ngày 08-10-2021, ông

T đã được UBND thành phố G kết luận tại Thông báo số: 1104/TB ngày 08-10-2021, nội dung: Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết. Ngày 23-5-2022, ông T đã được Chi cục Thuế khu vực G trả lời kiến nghị tại Công văn số: 4376/CCTKV-NV, nội dung: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm đối với việc giao “*Thông báo nộp tiền*” cho người sử dụng đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính và viện dẫn các quy định về việc chậm nộp thuế quy định tại Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Đến ngày 31-5-2022, ông T thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo 112: Số tiền 200.746.618 đồng và 160.960.242 đồng chậm nộp.

[2.2]. Quy định về trình tự, thủ tục hành chính về quản lý, sử dụng đất đai:

[2.2.1]. Tại tiểu mục 1.3 mục 1 Phần II Thông tư liên tịch số: 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18-4-2005 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định: “*Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc phòng Tài nguyên và môi trường quận, huyện, hoặc Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (sau đây gọi chung là cơ quan nhận hồ sơ về nghĩa vụ tài chính) có trách nhiệm: Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính do cơ quan Thuế chuyển đến, cơ quan nhận hồ sơ trao “Thông báo nộp tiền” cho người sử dụng đất để người sử dụng đất thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Khi trao “Thông báo nộp tiền” cho người sử dụng đất, cơ quan nhận hồ sơ phải yêu cầu người sử dụng đất ký tên, ghi rõ vào “Thông báo nộp tiền”: họ, tên, ngày, tháng nhận được “Thông báo nộp tiền” và ký tên theo đúng mẫu quy định tại Thông tư này.*”

[2.2.2]. Tại điểm b khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 2 khoản 3 Điều 11 của Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương ban hành kèm theo Quyết định số: 93/2007/QĐ-TTg ngày 22-6-2007 của Thủ tướng Chính phủ, quy định như sau: “*Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở Ủy ban nhân dân cấp huyện đặt tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, chịu sự quản lý toàn diện của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*”; “*Cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu sự quản lý toàn diện của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện*”; “*2. Cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm xem xét hồ sơ của tổ chức, cá nhân...*”; “*3. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả căn cứ vào tính chất công việc có trách nhiệm xem xét, xử lý theo quy trình sau: a) Trình lãnh đạo trực tiếp để giải quyết theo trách nhiệm thẩm quyền; b) Trực tiếp liên hệ với các cơ quan liên quan để giải quyết hồ sơ. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, giải quyết theo thẩm quyền, đúng thời gian quy định; c) Nhận kết quả, trả lại cho tổ chức, cá nhân, thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.*”

[2.2.3]. Khoản 2 và khoản 3 Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định: “*2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản khác gắn liền với đất; cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận là Văn phòng đăng ký đất đai... 3. Địa phương đã tổ chức bộ phận một cửa để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy*

định của Chính phủ thì các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thông qua bộ phận một cửa theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

[2.2.4]. Điểm d và e khoản 4 Điều 6 Quyết định số: 09/2015/QĐ-TTg ngày 25-3-2015 của Thủ tướng Chính Phủ về Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, quy định: *“Công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhập vào Sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử (nếu có) và thực hiện như sau: d) Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức; e) Trường hợp cá nhân, tổ chức chưa đến nhận hồ sơ theo giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả thì kết quả giải quyết hồ sơ được lưu giữ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả”.*

[2.3]. Từ các nội dung đã nhận định, viện dẫn tại các mục [2.1] và [2.2] nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Hành vi không giao Thông báo 112 trên cơ sở Phiếu biên nhận hồ sơ số: 71 ngày 12-5-2014 của cán bộ, công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân thị xã G là trái pháp luật; đồng thời hành vi không giao Thông báo 112 có mối quan hệ nhân quả đối thiết hại do ông T phải thực hiện nghĩa vụ chậm nộp tiền sử dụng đất (nộp phạt) 160.960.242đồng.

[2.4]. Tại tiểu mục 1.3 mục 1 Phần II Thông tư số: 38/2004/TTLT-BTNMT-BNV ngày 31-12-2004 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường và Bộ Nội vụ, quy định: *“Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường, do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Theo quy định tại khoản 4 khoản 10 Điều 7 của các Nghị định số: 14/2008/NĐ-CP ngày 04-02-2008 và Nghị định số: 37/2014/NĐ-CP ngày 05-5-2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện, thì: Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là cơ quan tham mưu, giúp việc trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện). Do đó, hành vi không giao Thông báo 112 xảy ra tại thời điểm tháng 7 năm 2015 cho dù thuộc trách nhiệm của cán bộ, công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc trách nhiệm trực tiếp của cán bộ thuộc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã G (ngày 21-10-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 1612/QĐ-UBND về việc thành lập Văn phòng đất đai tỉnh Đắk Nông trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: Về cơ cấu tổ chức bao gồm các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện và thị xã G trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông, có hiệu lực từ ngày 01-01-2016), trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với gia đình ông T vẫn thuộc UBND thành phố G. Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 7 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, quy định: *“1. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường khi có đủ các căn cứ sau đây: a) Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này; b) Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này; c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại. 2. Căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng bao gồm: b) Tòa án có thẩm quyền giải**

quyết vụ án hành chính đã xác định có hành vi trái pháp luật của người bị kiện là người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và có yêu cầu bồi thường trước hoặc tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại”. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với UBND thành phố G.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phan Xuân T được chấp nhận nên người bị kiện UBND thành phố G phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường 160.960.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Áp dụng tiểu mục 1.3 mục 1 Phần II Thông tư liên tịch số: 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18-4-2005 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm b khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 9 và Điều 11 của Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương ban hành kèm theo Quyết định số: 93/2007/QĐ-TTg ngày 22-6-2007 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 1 khoản 2 Điều 60 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 6 Quyết định số: 09/2015/QĐ-TTg ngày 25-3-2015 của Chính phủ về Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 7 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Xuân T.

1.1. Tuyên bố hành vi của cán bộ, công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã G (nay là thành phố G) về việc không giao Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 112/TB-CCT ngày 29-6-2015 của Chi cục Thuế thị xã G cho ông Phan Xuân T là trái pháp luật.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố G phải bồi thường cho ông Phan Xuân T và bà Nguyễn Thị L số tiền 160.960.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm Căn cứ khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 2 và 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toàán:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm và 8.048.000đ (*Tám triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho ông Phan Xuân T 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000269 ngày 06-4-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ thụ lý; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Đức Dương